

# SÔNG MÃI VỚI THỦ ĐÔ VÀ HÀ NỘI – MÙA ĐÔNG 46 CỦA NGUYỄN HUY TƯỜNG TRONG MẠNG LƯỚI LIÊN VĂN BẢN

LÊ THỊ DƯƠNG\*

Khái niệm “Liên văn bản” (Intertextuality) được xem là một trong những phát hiện quan trọng của khoa học văn chương nửa sau thế kỉ XX. Julia Kristeva trong công trình *Từ, đối thoại và tiểu thuyết* năm 1960 đã lần đầu tiên đề xuất khái niệm này. Không phải ngẫu nhiên mà Kristeva lựa chọn giới thiệu và lý giải những tư tưởng của Mikhail Bakhtin, đặc biệt là quan niệm về tính đối thoại. Cũng chính Kristeva đã khẳng định tư tưởng về liên văn bản của Bakhtin, dù ông không hề dùng thuật ngữ này<sup>1</sup>. Có thể nói, với việc khám phá ra nguyên tắc đối thoại, Bakhtin đã khai mở con đường đến với lí luận liên văn bản.

Theo cách diễn giải của Bakhtin, mọi phát ngôn đều có tính đối thoại, nghĩa là nó luôn đáp lại những phát ngôn trước đó và luôn phát thông điệp đến những người nói tiềm năng khác<sup>2</sup>. Tuy nhiên, đối thoại với Bakhtin, tuy là bản chất của đời sống xã hội, nhưng không diễn ra tùy tiện, mà luôn phụ thuộc vào người phát ngôn, không gian và thời gian phát ngôn. “Các văn bản là đối thoại trong tiến trình tạo nghĩa phụ thuộc vào tác giả, thời gian và không gian nơi mà nó được viết, và ý nghĩa được cấu thành bởi người đọc”<sup>3</sup>. Nguyên tắc đối thoại đã tạo ra quan hệ hai chiều giữa các văn bản, kết nối văn bản có trước và văn bản có sau trong cuộc “chuyện trò” hoặc ngẫu nhiên hoặc hữu ý. Chẳng hạn trường hợp chuyển thể từ tác phẩm văn học sang tác phẩm điện ảnh, hay trường hợp viết lại chuyện cũ, có thể coi là hành vi đối thoại hữu ý và trực tiếp đối với các văn bản ra đời trước.

Với Bakhtin, và với các nhà lí luận liên văn bản sau này, tính đối thoại không chỉ giới hạn

trong phạm vi những văn bản cùng loại, cũng như vậy, liên văn bản không đóng khung trong nội bộ văn bản văn học mà mở rộng ra các văn bản nghệ thuật (hội họa, điện ảnh, âm nhạc...), rộng hơn nữa, các văn bản địa lý, lịch sử, tôn giáo...

Rõ ràng, bản chất đối thoại của ngôn ngữ theo lập luận của Bakhtin đã “khiêu chiến” với những sự đơn nhất cố định, đặt tính độc đoán, chuyên chế của một diễn ngôn, một văn bản trước nguy cơ bị phá vỡ, bị xuyên thủng. Và đó không còn là một nguy cơ, mà sau này đã hiển lộ thành thực tế và được Kristeva chỉ rõ: “Bất cứ sự viết thành một văn bản nào cũng đều giống như sự tạo thành một bức tranh nhiều màu sắc, bất cứ một văn bản nào cũng đều hấp thu và chuyển đổi với các văn bản khác”<sup>4</sup>. Việc khám phá ra tính liên văn bản đã “hạ bệ” tính độc sáng, khiến cho “ranh giới giữa văn học và cái phi văn học trở thành mập mờ”<sup>5</sup>. Chính sự “mập mờ” này lại mở ra những khả năng mới trong việc xác định mối quan hệ giữa các văn bản không cùng kiểu kí hiệu, chẳng hạn giữa văn học và điện ảnh.

Văn học là nghệ thuật của ngôn từ, điện ảnh là một loại hình nghệ thuật tổng hợp, ra đời rất lâu sau văn học, kịch, âm nhạc, múa, hội họa, kiến trúc. Sự phát triển của văn học đã cung cấp nguồn tư liệu quý giá cho sự phát triển của điện ảnh. Điều ấy có thể thấy rõ trong lịch sử nghệ thuật thế giới và cả Việt Nam. Có không ít tác phẩm văn học là tiền đề cho tác phẩm điện ảnh và được chuyển thể thành kịch bản điện ảnh. Một số trường hợp, tác phẩm điện ảnh và tác phẩm văn học gặp gỡ nhau ở cùng một chủ đề, một đối tượng phản ánh, một nguồn cảm hứng;

một số khác lại là sự hồi đáp, là tiếng vọng của nhau. Nói chung quan hệ giữa chúng ngày càng đa dạng. Tìm hiểu quan hệ này là tìm hiểu cái mà khoa học hiện đại gọi là “quan hệ liên văn bản”. Nếu coi tác phẩm văn học và tác phẩm điện ảnh là hai hệ thống kí hiệu khác nhau thì trong trường hợp này, mỗi quan hệ liên văn bản giữa văn bản văn học và văn bản điện ảnh càng trở nên phức tạp, vì đây là sự tham chiếu giữa hai loại văn bản thuộc hai loại hình nghệ thuật khác nhau, giữa văn bản văn học và văn bản phi - văn học tạo nên mạng lưới mở rộng tập trung nhiều loại kí hiệu văn hóa.

Đặt tiêu thuyết *Sống mãi với thủ đô* của Nguyễn Huy Tưởng và bộ phim *Hà Nội - Mùa đông 46* trong mối liên hệ với nhau, người viết muốn tìm hiểu tính tương hỗ, tính liên văn bản giữa các văn bản không cùng kiểu kí hiệu với nhau, nhưng lại biểu hiện cùng một chủ đề. Thực chất là tìm hiểu tính chất đối thoại giữa các văn bản (theo cách nói của Bakhtin) hay tính “đa bội” của các văn bản (theo cách nói của R.Bathers).

Hình ảnh Hà Nội trong trang văn của Nguyễn Huy Tưởng thấp thoáng trong *Hà Nội - Mùa đông 46*, có khi hiển hiện rõ nét, có những sai biệt, có những tương đồng. Xem *Hà Nội - Mùa đông 46*, không thể không liên tưởng đến *Sống mãi với thủ đô* nếu ai đã từng đọc tiểu thuyết này rồi. Cũng tinh thần ấy, cũng không khí ấy, không gian ấy và phần nào hình sắc ấy, có thể nói, lịch sử đã đi vào văn học và điện ảnh theo các cách khác nhau nhưng cùng thể hiện chung một tính chất. Đặc trưng liên văn bản cũng được bộc lộ rõ ở đây, nghĩa là từ một văn bản ra đời muộn hơn, người ta có thể liên tưởng/ liên hệ đến các văn bản/ tư liệu trước đó.

Điểm gặp gỡ đầu tiên giữa *Sống mãi với thủ đô* và *Hà Nội - Mùa đông 46*<sup>6</sup> là thời gian sự kiện - thời điểm Hà Nội bắt đầu bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp lần thứ hai. Nguyễn Huy Tưởng đã khắc họa lại bức tranh Hà Nội lúc bấy giờ bằng việc kết nối các sự kiện lịch sử mà tác giả được chứng kiến, cùng những hình

ảnh Hà Nội vốn đã tồn tại trong tâm thức và cảm quan cá nhân. “Phố Gia Ngư, cái phố nhỏ không có cá tính, bà con nghèo của những phố Hàng Đào, Hàng Bạc, tự vệ đang lúi húi đào những hố tác chiến bên hè”<sup>7</sup>; “Phủ Bắc Bộ đưa lại những tiếng liên thanh cục cục rõ mồn một... Hồ Gươm nằm dúm dúm trong bóng tối... Thân cây quắn quại vắn vẹo, lá thít lên đồ xuống lạo xạo...”<sup>8</sup>; “Đầu phố Hàng Đào, phía Cầu Gỗ, sừng sững, đồ tui, hai chữ CẨM TỬ kẻ từ bao giờ (...). Dưới là một hàng chữ đen: “Chúng tôi, những thanh niên Hà Nội nguyện hi sinh đến giọt máu cuối cùng. Thẻ sống chết với thủ đô! (...) Một tự vệ đứng sau đồng bao cát đầu phố Hàng Đào, chìa cái nòng súng mút ra khỏi miệng ụ. Phố xá đều im lặng, một thứ im lặng trĩu nặng, và có một vẻ riêng đau xót, thù hận (...) Những phố Hàng Gai, Hàng Đào, Cầu Gỗ như sát lại, những phố đang sau như bôn tới, âm ỉ, quyết liệt, sẵn sàng”<sup>9</sup>.

*Hà Nội - Mùa đông 46*, bằng ưu thế của hình ảnh, âm thanh, cũng đã đưa lên màn ảnh không khí Hà Nội trong thời khắc cam go quyết liệt ấy. Dường như một phần hình ảnh Hà Nội trong *Sống mãi với thủ đô* của Nguyễn Huy Tưởng đã được “hiện thực hóa” một cách sinh động và chân thực trong *Hà Nội - Mùa đông 46*. Các chi tiết chủ yếu như: cảnh nhân dân Hà Nội tản cư, cảnh chiến sĩ thủ đô chuẩn bị kháng chiến, cảnh chiến đấu trên các đường phố Hà Nội,... đều hiện diện trong cả hai tác phẩm, phản ánh được tính chất phức tạp của thực tế kháng chiến cũng như cảnh và người Hà Nội trong một “con rung chuyển lớn lao của lịch sử”<sup>10</sup>.

Môtip đối lập chiến tranh - hòa bình được cả Nguyễn Huy Tưởng và Đạo diễn Đặng Nhật Minh khai thác triệt để. Bên cạnh cái khốc liệt, dữ dội của chiến tranh, *Hà Nội - Mùa đông 46* vẫn gợi nhắc lại không khí đón Tết của người dân thủ đô bằng hình ảnh ông đồ bình thân viết câu đối, bằng những gánh hàng hoa tươi tắn, bằng cái tấp nập rộn ràng của người dân,... Cảnh sắc ấy dễ khiến người ta nhớ đến cái Tết được Nguyễn Huy Tưởng nói đến trong *Sống mãi với thủ đô*: “Cánh cửa chính chợ Đồng Xuân mở toang. Người dân khu phố Đồng Xuân chen

chúc nhau vào. Cái ngõ ở phố Hàng Chiếu dẫn vào chợ cũng lúc nhúc những người kéo sang (...) đây là trái tim của Hà Nội, là nơi tập trung những hàng tinh xảo của các phố phường (...) Trong những ngày áp tết, cái tên Đồng Xuân càng vang động trong lòng mọi người”<sup>11</sup>.

*Sống mãi với thủ đô và Hà Nội - Mùa đông 46* đã xây dựng được một “bộ sưu tập” về Hà Nội. Nhiều bức tranh Hà Nội cùng hiện diện trong văn học lẫn trong điện ảnh: Hà Nội truyền thống, Hà Nội hào hoa, Hà Nội lầm than, Hà Nội khói lửa, Hà Nội đau khổ, Hà Nội anh hùng, Hà Nội của nhiều người Hà Nội, nhiều người không phải ở Hà Nội, đặc biệt nhất là Hà Nội ở điểm thời điểm khởi đầu: khởi đầu của cuộc kháng chiến và khởi đầu của một năm mới. Hình ảnh Hà Nội từ trang văn của Nguyễn Huy Tưởng đến Hà Nội trên màn ảnh có những điểm giao thoa, trùng hợp, đó là điều dễ hiểu, bởi cả hai tác phẩm thể hiện cùng một điểm không - thời gian cụ thể, một hoàn cảnh lịch sử có thật. Điều quan trọng nhất là các tác giả đều cùng có khát vọng thể hiện một Hà Nội hào hoa mà dũng cảm phù hợp với sự chờ đợi của một công chúng độc/khán giả khó tương đồng.

Về phương diện nhân vật, *Sống mãi với thủ đô và Hà Nội - Mùa đông 46* cùng xây dựng và phản ánh một hệ thống nhân vật mang những đặc trưng của cả một thời đại, của cả một không gian văn hóa - lịch sử trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp. Đó là các chiến sĩ tự vệ thủ đô anh hùng mà vẫn hào hoa, gồm những Dân, những Trần Văn, Nguyễn Gia Định,... của *Sống mãi với thủ đô*; và Lâm, Toàn,... của *Hà Nội - Mùa đông 46*. Đó còn là những cô gái Hà Nội vẫn giữ nét sang trọng, kín đáo, vừa ngượng ngịu vừa háng hái xin gia nhập vào đội cứu thương; những người dân Hà Nội trong khói lửa chiến tranh vẫn một lòng hướng về Thủ đô... Song điểm khác biệt lớn nhất giữa hai tác phẩm là nêu trong *Sống mãi với thủ đô*, con người Hà Nội bình thường là nhân vật chính thì *Hà Nội - Mùa đông 46* là lãnh tụ với sự nhấn mạnh vào các sự kiện chính trị lớn.

*Hà Nội - Mùa đông 46* khép lại trong trường đoạn Hồ Chí Minh cùng lớp lớp những người con của Tổ quốc trở lại chiến khu Việt Bắc để làm nên một cuộc kháng chiến thần kì, rồi 9 năm sau đó trở về tiếp quản Thủ đô như lời hẹn ước, sau lưng là Hà Nội bùng bùng khói lửa. Cảnh tượng này gợi liên tưởng đến kết thúc mà Nguyễn Huy Tưởng đã hình dung trong tiểu thuyết của mình: cuộc chiến đấu của quân dân Hà Nội vẫn tiếp tục cho đến khi những người con Hà Nội ra đi để 9 năm sau trở lại giải phóng Thủ đô. Đây được đánh giá là phim đầu tiên về đề tài lãnh tụ khá thành công. Bộ phim cũng có thể xem là một cách diễn giải sinh động và trung thực về hiện thực lịch sử, ở một khía cạnh khác, nó cũng là một phương thức diễn giải đối với nội dung lịch sử được phản ánh trong văn học.

Đồng tác giả của kịch bản phim *Hà Nội - Mùa đông 46* - nhà thơ Hoàng Nhuận Cầm chia sẻ: khi viết kịch bản, ông phải đọc và tập hợp rất nhiều tư liệu lịch sử, văn học, trong đó có tiểu thuyết *Sống mãi với thủ đô* của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng. Có thể nói, bộ phim thu nạp vào trong nó hàng loạt tư liệu lịch sử, tài liệu quân sự, kinh nghiệm cá nhân của những nhân chứng sống, nó là văn bản đã được mã hóa hai lần. Tự bản thân nó đã là một liên văn bản đa dạng và sinh động.

Như vậy, dù có chủ ý hay không, nhà làm phim cũng đã thực hiện một cuộc đối thoại với một văn bản xuất hiện sớm hơn. Tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng là một văn bản mở, khơi gợi những cuộc đối thoại sau đó. Và bộ phim của Đặng Nhật Minh có thể coi là một “diễn ngôn tương tác” thuận chiều với *Sống mãi với thủ đô*. Trước Đặng Nhật Minh, Nguyễn Huy Tưởng đã diễn giải lịch sử đất nước, văn hóa Hà Nội theo cách riêng của ông, của thời đại ông qua phương tiện ngôn ngữ. Về sau, các nhà làm phim đã tạo ra một văn bản mới bằng những phương tiện mới, hình thức mới. Sự diễn giải của các nhà làm phim về lịch sử có phần tương đồng với Nguyễn Huy Tưởng, có sự tương đồng này, theo người viết, là do cả hai tác giả đều có một vốn tri thức chung về lịch sử, về văn hóa.

Những tri thức đó đã trở thành một “mẫu số chung” của rất nhiều người ở nhiều thế hệ, chúng tôi tạm gọi đó là “chuẩn cộng đồng”, có sức chi phối, lan tỏa đến cả người viết lẫn người đọc/người xem. Và độc giả - những người đã từng trải qua thời điểm lịch sử mùa đông năm 46 - khi đọc những trang văn của Nguyễn Huy Tưởng hay xem những thước phim của Đặng Nhật Minh cũng có thể tìm thấy hình ảnh của thế hệ mình trong đó.

Ở đây, chúng tôi không hướng đến việc lý giải các nhà làm phim có hay không chịu ảnh hưởng từ sáng tác của Nguyễn Huy Tưởng, song rõ ràng, với sự gặp gỡ nhau ở cùng một chủ đề, một cảm hứng sáng tạo, các nhà làm phim đã vô tình đẩy tác phẩm của mình tham gia vào trò chơi liên văn bản và hứa hẹn lôi kéo những tác phẩm khác vào trò chơi đó.

Sự tương ứng nhau về phương diện không gian, thời gian, môtip giữa *Sống mãi với thủ đô* của Nguyễn Huy Tưởng và *Hà Nội - Mùa đông 46* của đạo diễn Đặng Nhật Minh đã kết nối hai tác phẩm trong một mạng lưới liên văn bản. Sự “va đập” giữa các văn bản (theo cách nói của R. Barthes) không làm xô lệch ý nghĩa văn bản, trái lại làm đa dạng thêm ý nghĩa của văn bản. Và khi tác phẩm đến với công chúng, họ sẽ là người “được quyền đặt văn bản vào một khung cảnh mới, nghĩa là được quyền đặt ra cho nó những quan hệ văn học khác, và rốt cuộc là đem lại cho nó một ý nghĩa khác”<sup>12</sup>. Bản thân người đọc trong quá trình “tiêu thụ” văn bản, chính là một trong những nhân tố phát hiện và tạo ra tính đối thoại, tính liên văn bản giữa các văn bản khác nhau, bởi “văn bản văn học là sơ đồ tiềm năng, tác phẩm văn học là sản phẩm của sự tác động qua lại giữa mã văn bản và việc giải mã văn bản của người đọc”<sup>13</sup>. Gadamer - một đại diện tiêu biểu cho *Hiện tượng học* cũng đã nhấn mạnh tính chất đối thoại giữa quá khứ và hiện tại khi người đọc giải thích một tác phẩm xa xưa, và cho rằng lúc đó tầm đón đợi của người đọc hiện tại và tầm đón đợi của người đọc quá khứ “dung hòa” với nhau, sự hiểu xảy ra trên cơ sở đó. Vậy là không còn người diễn giải chủ quan và nghĩa

văn bản khách quan, chỉ còn là khối thống nhất liên chủ thể tồn tại trong cùng một thời gian<sup>14</sup>.

Hà Nội từ lâu đã trở thành một mã văn hóa có định trong tâm thức xã hội, là đối tượng phản ánh của nhiều loại hình nghệ thuật, trường liên tưởng về hình ảnh Hà Nội do vậy cũng hết sức rộng lớn. Tiểu thuyết *Sống mãi với thủ đô* của Nguyễn Huy Tưởng và bộ phim *Hà Nội - Mùa đông 46* cùng chọn Hà Nội ở một thời điểm lịch sử đã cho phép người đọc “đọc” cả hai văn bản ở một mối liên hệ rộng hơn. Và sự tương hỗ giữa hai văn bản này, với hai cách thức phản ánh và nắm bắt hình ảnh khác nhau, cũng cho phép người đọc tự hoàn thiện bức tranh về Hà Nội trong khoảng khắc lịch sử đó. Có thể hiểu rõ hơn điều này qua phân tích của tác giả Nguyễn Nam: “Việc cùng một môtip xuất hiện trong các tác phẩm khác nhau tạo ra quan hệ liên văn bản giữa chúng. Những mô thức khảo sát như “hình tượng X trong các tác phẩm của tác giả Y”, hay “hình tượng X trong thể loại văn học Y” cho thấy tính đa nghĩa của một hình tượng khi được chuyển vị vào những văn cảnh cụ thể. Ở mỗi văn cảnh riêng biệt, một (hay một số) hàm nghĩa của hình tượng nổi lên, đóng vai chủ đạo, kết hợp với các yếu tố khác trong văn bản, tạo nên ý nghĩa cho một khổ thơ, đoạn văn, hay cho cả tác phẩm. Dầu không hiển lộ và ít nhiều khu biệt với những hàm nghĩa nổi trội, các hàm nghĩa khác của hình tượng vẫn tiềm tàng, trì hoãn để, nếu có thể, sẽ được dung nạp vào trong những trường nghĩa khác được kiến lập trên cơ sở những cách đọc mới đối với bản văn”<sup>15</sup>.

Xét từ lý thuyết, liên văn bản nhằm tới “sự tương đối hóa các mã văn hóa, tương đối hoá tính thống nhất và toàn vẹn của chúng, và không đòi hỏi xác lập một cách đọc duy nhất đúng văn bản. Ý nghĩa là linh hoạt, sự tương tác sống động của các văn bản sinh ra những nghĩa mới của chúng”<sup>16</sup>. Kéo tiểu thuyết *Sống mãi với thủ đô* và bộ phim *Hà Nội - Mùa đông 46* vào một “đường dây” chung, tính liên văn bản cho phép người đọc/người xem có thể tự triển khai rộng rãi phạm vi liên hệ về ngữ cảnh, hoàn cảnh chính trị - xã hội được đề cập đến trong hai tác

phẩm, đồng thời kết nối với các lĩnh vực khác như điêu khắc, hội họa. Những bức tranh vẽ cảnh Hà Nội kháng chiến, bức tượng “Cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh” đều dễ khiến người ta hình dung đến những ngày tháng hào hùng, bị tráng được Nguyễn Huy Tường khắc họa trong tác phẩm *Sống mãi với thủ đô* và sau này được các nhà làm phim khai triển trong *Hà Nội - Mùa đông 46*. Điều này một lần nữa cho thấy, văn bản không ngự trị “chuyên chế”, đơn nhất, mà là sản phẩm của vô số những mã, những diễn ngôn và những văn bản đã tồn tại trước đó, luôn trong quan hệ đối thoại với các văn bản khác, và không gian liên văn bản luôn là không gian mở, khơi gợi thêm nhiều khả năng tiếp nhận nơi người đọc. Đến lượt độc giả, họ không chỉ đọc nghĩa “đã được đoán định tồn tại trong văn bản mà trong phạm vi của vô số mối quan hệ trải dài bên ngoài văn bản trong hàng loạt diễn ngôn văn hóa”<sup>17</sup>.

Ở đây, liên văn bản một mặt được xem xét như là thuộc tính bản thể của văn bản, tức tự thân *Sống mãi với thủ đô* đã là một liên văn bản, *Hà Nội - Mùa đông 46* tự thân cũng là một liên văn bản. Dù không có mối quan hệ “anh em” theo hình thức chuyển thể/ phóng tác, song việc cùng chung một cảm hứng, một ý tưởng, một số môtip đã kết nối hai tác phẩm lại với nhau. Mặt khác, tính liên văn bản được “sản sinh” trong quá trình tiếp nhận của người đọc. Trên cơ sở chuẩn cộng đồng về lịch sử, về biểu tượng văn hóa Hà Nội, người đọc tìm thấy trong *Sống mãi với thủ đô* và *Hà Nội - Mùa đông 46* những điểm tương đồng trong hai hình thức khác biệt - văn học và điện ảnh.

Có thể thấy, sự tương tác giữa các văn bản, sự va chạm giữa các loại kí hiệu văn hóa luôn tạo nên những trò chơi liên văn bản vừa phức tạp, vừa hấp dẫn, hứa hẹn dẫn dắt người đọc phiêu lưu trong vô vàn mê cung ý nghĩa của các văn bản.

### Chú thích

1. Dẫn theo Nguyễn Văn Thuán, Liên văn bản, từ Mikhail Bakhtin đến Julia Kristeva, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Văn học hậu hiện đại, lý luận và tiếp nhận, tháng 3-2011
2. Nguyễn Văn Thuán, *Tài liệu đã dẫn*
3. Nguyễn Văn Thuán, *Tài liệu đã dẫn*
4. Julia Kristeva: *Kí hiệu học*, dẫn từ *Nghiên cứu liên văn bản*, Thiệu Vĩ dịch, tr. 4, Nxb Nhân dân Thiên Tân 2003, theo Chu Hòa Quân trong bài: *Mối quan hệ liên văn bản giữa trần thuật học văn học và trần thuật học điện ảnh*, Lê Thị Dương dịch, [http://vanhocquenha.vn/view.asp?n\\_id=3262&n\\_muctin=24](http://vanhocquenha.vn/view.asp?n_id=3262&n_muctin=24)
5. Nguyễn Hưng Quốc, *Văn bản và liên văn bản*, <http://www.tienve.org/home/literature/>
6. Tóm tắt nội dung phim *Hà Nội - Mùa đông 46*: Lâm - một sinh viên trường Luật, tự vệ thành, được giới thiệu đến nhận công tác tại Bắc bộ phủ. Anh được giao nhiệm vụ làm liên lạc giữa Hồ Chí Minh và Cao ủy Pháp Sainteny. Lúc này mọi cuộc thương lượng chính thức coi như bế tắc, vì các tướng chỉ huy quân sự Pháp cố tình gây xung đột để bằng vũ khí chiếm lại thuộc địa cũ. Trước tình hình đó Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cố gắng duy trì mối liên lạc với Chính phủ Pháp, hi vọng tìm ra những giải pháp để giải quyết những xung đột thông qua đàm phán. Lê - vợ Lâm trở dạ đẻ vào đúng lúc tiếng súng của cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu nổ. Lâm lao vào cuộc chiến đấu trên chiến lũy Hà Nội, trong lúc các cảm tử quân tại Bắc bộ Phủ đã anh dũng chiến đấu đến hơi thở cuối cùng.
7. Nguyễn Huy Tường, *Sđd*, tr. 283
8. Nguyễn Huy Tường, *Sđd*, tr. 448
9. Nguyễn Huy Tường, *Sđd*, tr. 394
10. Phong Lê, “*Sống mãi với thủ đô*” trong quá trình sáng tác của Nguyễn Huy Tường, Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 12 - 1961
11. *Sống mãi với thủ đô* (1978), Nguyễn Huy Tường tuyển tập, Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội, tr. 346
12. L.P. Rjanskaya, *Liên văn bản - sự xuất hiện của khái niệm về lịch sử và lý thuyết của vấn đề*, Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 11-2007
13. Trương Đăng Dung, *Những giới hạn của cộng đồng diễn giải*, Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 9-2008
14. Trương Đăng Dung, *Tài liệu đã dẫn*
15. Nguyễn Nam, *Từ Chùa Đàn đến Mê thảo*, *Liên văn bản trong văn chương và điện ảnh*, Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 12-2006.
16. L.P. Rjanskaya, *Liên văn bản - sự xuất hiện của khái niệm về lịch sử và lý thuyết của vấn đề*, Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 11-2007
17. Nguyễn Văn Thuán, *Tài liệu đã dẫn*